

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Biểu mẫu 24

**THÔNG BÁO**

**Công khai tài chính của cơ sở giáo dục năm học 2015 - 2016**

(Kèm theo công văn số 62/ĐHM ngày 16 tháng 01 năm 2017

của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

| STT       | Loại hình đào tạo                                                                                                                                                    | Học phí 1 sinh viên |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <b>I</b>  | <b>Học phí hệ chính quy năm học 2015-2016</b>                                                                                                                        |                     |
| 1         | <b>Tiến sĩ</b>                                                                                                                                                       |                     |
|           | - Khóa 2014 trở về trước                                                                                                                                             | 17.875.000đ/năm     |
|           | - Khóa 2015                                                                                                                                                          | 32.500.000đ/năm     |
| 2         | <b>Thạc sĩ</b>                                                                                                                                                       |                     |
|           | - Khóa 2014                                                                                                                                                          |                     |
|           | + Ngành Kinh tế học, Tài chính - Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Lý luận và Phương pháp giảng dạy bộ môn tiếng Anh                                                   | 15.725.000đ/năm     |
|           | + Ngành Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp                                                                                                                  | 17.675.000đ/năm     |
|           | - Khóa 2015                                                                                                                                                          | 19.500.000đ/năm     |
| 3         | <b>Đại học chính quy, Hoàn chỉnh kiến thức, Văn bằng thứ hai</b>                                                                                                     |                     |
|           | - Khóa 2014 trở về trước                                                                                                                                             |                     |
|           | + Các học phần: bộ môn Toán, Ngoại ngữ không chuyên, Tin học không chuyên, Lý luận chính trị, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng                                 | 195.000đ/tín chỉ    |
|           | + Các học phần thuộc các khoa: Quản trị kinh doanh, Kế toán - Kiểm toán, Tài chính- Ngân hàng, Kinh tế và Luật, Ngoại ngữ, Xã hội học - Công tác xã hội - Đông Nam Á | 195.000đ/tín chỉ    |
|           | + Các học phần thuộc các khoa: Công nghệ sinh học, Xây dựng và Điện, Công nghệ thông tin                                                                             | 235.000đ/tín chỉ    |
|           | - Khóa 2015                                                                                                                                                          |                     |
|           | + Nhóm học phần: Giáo dục quốc phòng                                                                                                                                 | 200.000đ/tín chỉ    |
|           | + Nhóm học phần: Bộ môn Toán, Lý luận Chính trị, Giáo dục thể chất                                                                                                   | 320.000đ/tín chỉ    |
|           | + Nhóm học phần: Xã hội học, Công tác xã hội, Đông Nam Á học, Kinh tế học                                                                                            | 210.000đ/tín chỉ    |
|           | + Nhóm học phần: Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng, Kế Toán – Kiểm toán, Luật kinh tế                                                                       | 340.000đ/tín chỉ.   |
|           | + Nhóm học phần: Công nghệ thông tin, Xây dựng, Quản lý xây dựng, Công nghệ sinh học, Hệ thống thông tin quản lý và Tin học không chuyên                             | 360.000đ/tín chỉ    |
|           | + Nhóm học phần: Ngoại ngữ và Ngoại ngữ không chuyên                                                                                                                 | 380.000đ/tín chỉ    |
| <b>II</b> | <b>Học phí hệ vừa làm vừa học năm học 2015-2016</b>                                                                                                                  |                     |
|           | <b>Khởi ngành Kinh tế - Xã hội</b>                                                                                                                                   |                     |
| 1         | <b>Đại học văn bằng 1</b>                                                                                                                                            |                     |
|           | - Môn lý thuyết                                                                                                                                                      | 230.000đ/tín chỉ    |



| STT                                    | Loại hình đào tạo                                 | Học phí 1 sinh viên |
|----------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|
|                                        | - Môn thực hành/ thí nghiệm/ thực tập tốt nghiệp  | 240.000đ/tín chỉ    |
| 2                                      | <i>Đại học văn bằng 2, Liên thông</i>             |                     |
|                                        | - Môn lý thuyết                                   | 240.000đ/tín chỉ    |
|                                        | - Môn thực hành/ thí nghiệm/ thực tập tốt nghiệp  | 250.000đ/tín chỉ    |
| <b>Khối ngành Kỹ thuật - Công nghệ</b> |                                                   |                     |
| 1                                      | <i>Đại học văn bằng 1</i>                         |                     |
|                                        | - Môn lý thuyết                                   | 270.000đ/tín chỉ    |
|                                        | - Môn thực hành/ thí nghiệm/ thực tập tốt nghiệp  | 280.000đ/tín chỉ    |
| 2                                      | <i>Đại học văn bằng 2, Liên thông</i>             |                     |
|                                        | - Môn lý thuyết                                   | 280.000đ/tín chỉ    |
|                                        | - Môn thực hành/ thí nghiệm/ thực tập tốt nghiệp  | 300.000đ/tín chỉ    |
| <b>III</b>                             | <b>Học phí hệ đào tạo từ xa năm học 2015-2016</b> |                     |
| <b>Khối ngành Kinh tế - Xã hội</b>     |                                                   |                     |
| 1                                      | <i>Đại học văn bằng 1</i>                         |                     |
|                                        | - Môn lý thuyết                                   | 180.000đ/tín chỉ    |
|                                        | - Môn thực hành/ thí nghiệm/ thực tập tốt nghiệp  | 210.000đ/tín chỉ    |
| 2                                      | <i>Đại học văn bằng 2, Liên thông</i>             |                     |
|                                        | - Môn lý thuyết                                   | 220.000đ/tín chỉ    |
|                                        | - Môn thực hành/ thí nghiệm/ thực tập tốt nghiệp  | 240.000đ/tín chỉ    |
| <b>Khối ngành Kỹ thuật - Công nghệ</b> |                                                   |                     |
| 1                                      | <i>Đại học văn bằng 1</i>                         |                     |
|                                        | - Môn lý thuyết                                   | 200.000đ/tín chỉ    |
|                                        | - Môn thực hành/ thí nghiệm/ thực tập tốt nghiệp  | 230.000đ/tín chỉ    |
| 2                                      | <i>Đại học văn bằng 2, Liên thông</i>             |                     |
|                                        | - Môn lý thuyết                                   | 240.000đ/tín chỉ    |
|                                        | - Môn thực hành/ thí nghiệm/ thực tập tốt nghiệp  | 270.000đ/tín chỉ    |
| <b>IV</b>                              | <b>Tổng thu năm 2015</b>                          | <i>Tỷ đồng/năm</i>  |
| 1                                      | Từ ngân sách                                      | 11.5                |
| 2                                      | Từ học phí, lệ phí                                | 183                 |
| 3                                      | Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ   | -                   |
| 4                                      | Từ nguồn khác                                     | 46                  |